Một số sản phẩm chủ yếu của ngành công nghiệp

	Đơn vị tính	Thực hiện 8 tháng năm 2014	Ước tính tháng 9 năm 2014	Cộng dồn 9 tháng năm 2014	Tháng 9 năm 2014 so với cùng kỳ năm 2013 (%)	9 tháng năm 2014 so với cùng kỳ năm 2013 (%)
Than đá (than sạch)	1000 tấn	26054,9	3038,7	29093,6	112,1	100,6
Dầu mỏ thô khai thác	1000 tấn	10084,0	1193,5	11277,5	103,2	99,5
Khí đốt thiên nhiên dạng khí	Triệu m3	6927,2	677,0	7604,2	105,9	102,5
Khí hoá lỏng (LPG)	1000 tấn	431,9	46,0	477,9	82,0	91,7
Thuỷ hải sản chế biến	1000 tấn	1303,6	178,3	1481,9	108,4	109,4
Sữa tươi	Triệu lít	604,5	81,3	685,8	141,1	120,9
Sữa bột	1000 tấn	52,5	5,7	58,2	76,7	93,6
Đường kính	1000 tấn	1191,3	12,0	1203,3	74,4	105,5
Bột ngọt	1000 tấn	161,1	21,8	182,9	101,8	99,1
Thức ăn cho gia súc	1000 tấn	6236,2	882,9	7119,1	102,3	102,6
Thức ăn cho thủy sản	1000 tấn	1943,7	272,1	2215,8	98,9	104,3
Bia các loại	Triệu lít	2013,8	267,1	2280,9	103,3	105,8
Thuốc lá điếu	Triệu bao	2743,7	340,5	3084,2	87,2	87,6
Vải dệt từ sợi tự nhiên	Triệu m2	213,4	27,5	240,9	106,1	116,1
Vải dệt từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo	Triệu m2	486,3	66,3	552,6	135,4	106,3
Quần áo mặc thường	Triệu cái	1937,3	267,1	2204,4	113,0	109,9
Giày, dép da	Triệu đôi	166,6	19,1	185,7	131,3	119,8
Phân Ure	1000 tấn	1421,7	178,5	1600,2	152,7	106,3
Phân hỗn hợp (N. P. K)	1000 tấn	1623,6	194,9	1818,5	108,1	100,4
Sơn hoá học các loại	1000 tấn	320,3	44,8	365,1	109,2	101,3
Dầu gội đầu, dầu xả	Tấn	40913,8	5391,8	46305,6	99,6	95,2
Sữa tắm, sữa rửa mặt	Tấn	18875,5	2371,7	21247,2	92,6	104,3
Bột giặt và các chế phẩm dùng để tẩy, rửa	1000 tấn	885,1	102,6	987,8	100,5	107,8
Xi măng	Triệu tấn	38,3	5,0	43,3	109,1	104,8
Sắt, thép thô	1000 tấn	1956,7	277,8	2234,5	111,0	101,4
Điện thoại di động	Triệu cái	94,1	18,2	112,3	172,3	147,3
Tivi các loại	1000 cái	2138,1	302,0	2440,1	91,7	115,6
Ô tô	1000 chiếc	78,2	11,2	89,4	131,6	127,5
Xe chở khách	1000 chiếc	49,6	6,4	56,0	111,5	125,8
Xe tải	1000 chiếc	28,6	4,8	33,4	173,1	130,5
Xe máy	1000 chiếc	2118,2	283,8	2402,0	105,8	89,0
Điện sản xuất	Tỷ Kwh	92,2	11,8	104,0	113,1	112,3
Nước máy thương phẩm	Triệu m3	1361,6	179,1	1540,7	107,2	107,0